

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khánh Uẩn, ông Nguyễn Đăng Thúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T M, huyện G, thành phố H. Có mặt.

Bị đơn: Ông Luân Quang T, sinh năm 1974; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố K, phường H, thành phố T, tỉnh B. Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà kết hôn với ông Luân Quang T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mạc, nay là phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 23/01/1996. Quá trình chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông T không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Ông T bỏ đi từ năm 2018 đến nay, không về nhà, không quan tâm đến vợ con. Bà đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông T và không thể tiếp tục chung sống nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Luân Văn Chính sinh ngày 21/5/1997 và Luân Văn Bảo sinh ngày 10/12/2006. Cháu Chính đã trưởng thành

phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Bảo đang ở với bà. Khi ly hôn, bà tiếp tục nuôi cháu Bảo, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà không có thai. Bà đang đi làm phụ hồ, thu nhập khoảng 9 triệu đồng/tháng.

Tài sản chung, công nợ: không có.

Tại đơn đề nghị ngày 14 tháng 9 năm 2022, bị đơn là ông Luân Quang T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hòa thuận hạnh phúc. Vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn. Bà M xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Luân Văn Chính sinh ngày 21/5/1997 và Luân Văn Bảo sinh ngày 10/12/2006. Cháu Chính đã trưởng thành phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Bảo đang ở với bà M. Khi ly hôn, bà M tiếp tục nuôi cháu Bảo, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: không có.

Vì công việc bận không thể đến Tòa án giải quyết ly hôn, ông đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ông xin được vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Luân Quang T. Bà nuôi cháu Luân Văn Bảo sinh ngày 10/12/2006. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, công nợ không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 232, 235, 262, 266, 271, 273 BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Luân Quang T.

Về con chung: Bà M là người trực tiếp nuôi cháu Luân Văn Bảo sinh ngày 10/12/2006. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tài sản chung, công nợ không có.

Về án phí: Bà M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, nuôi con nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là ông Luân Quang T trú tại khu phố Kim Bảng, phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M kết hôn với ông Luân Quang T vào năm 1996, quan hệ hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả hai đều thừa nhận khi chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, không thống nhất được các vấn đề trong cuộc sống. Bà M xin ly hôn, ông T đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà M, ông T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai cùng thống nhất ly hôn. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Luân Quang T.

Về con chung: Bà M, ông T có 02 con chung là Luân Văn Chính sinh ngày 21/5/1997 và Luân Văn Bảo sinh ngày 10/12/2006. Cháu Chính đã trưởng thành phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Bảo đang ở với bà M. Khi ly hôn, cháu Bảo có nguyện vọng được ở với bà M, ông T, bà M cũng đồng ý để bà M tiếp tục nuôi cháu Bảo. Vì vậy, giao cháu Bảo cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, công nợ các đương sự đều trình bày không có. Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Luân Quang T.

Về con chung: Bà M là người trực tiếp nuôi cháu Luân Văn Bảo sinh ngày 10/12/2006. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tài sản chung, công nợ: không có.

Án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo tại biên lai thu số AA/2021/0003694 ngày 19/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Từ Sơn;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thành phố Từ Sơn;
- UBND phường Phù Chẩn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Thanh